

Công ty TNHH Bảo hiểm Liberty

Báo cáo tài chính

Cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2026



MỤC LỤC

	<i>Trang</i>
Thông tin chung	1 - 2
Báo cáo của Ban Giám đốc	3
Bảng cân đối kế toán	4 - 6
Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh	7 - 8
Báo cáo lưu chuyển tiền tệ	9

Công ty TNHH Bảo hiểm Liberty

THÔNG TIN CHUNG

CÔNG TY

Công ty TNHH Bảo hiểm Liberty ("Công ty") là doanh nghiệp trách nhiệm hữu hạn một thành viên 100% vốn nước ngoài được thành lập tại Việt Nam theo Luật kinh doanh bảo hiểm số 24/2000/QH10, Luật số 61/2010/QH12 sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật kinh doanh bảo hiểm và Luật số 42/2019/QH14 sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật kinh doanh bảo hiểm, Luật sở hữu trí tuệ. Công ty được thành lập và hoạt động theo Giấy phép Thành lập và Hoạt động số 40GP/KDBH do Bộ Tài chính ("BTC") cấp ngày 15 tháng 11 năm 2006 và theo các Giấy phép Điều chỉnh mới nhất số 40/GPDC7/KDBH ngày 8 tháng 11 năm 2017 do Bộ Tài chính cấp.

Hoạt động chính trong năm hiện tại của Công ty là:

- Cung cấp các sản phẩm bảo hiểm phi nhân thọ bao gồm bảo hiểm sức khỏe và tai nạn con người, bảo hiểm tài sản và thiệt hại; bảo hiểm hàng hóa vận chuyển bằng đường bộ, đường biển, đường sông, đường sắt và đường hàng không; bảo hiểm xe cơ giới; bảo hiểm cháy nổ; bảo hiểm trách nhiệm chung; bảo hiểm tín dụng và rủi ro tài chính; và bảo hiểm thiệt hại kinh doanh;
- Nhận và nhượng tái bảo hiểm tất cả các nghiệp vụ bảo hiểm phi nhân thọ; và
- Tiến hành các hoạt động đề phòng, hạn chế rủi ro và tổn thất; giám định tổn thất; đại lý giám định tổn thất; xét giải quyết bồi thường; yêu cầu người thứ ba bồi hoàn; quản lý quỹ và đầu tư vốn và các hoạt động khác theo quy định của pháp luật.

Trụ sở chính của Công ty đặt tại tòa nhà Vincom, số 45A Lý Tự Trọng, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam. Công ty có hai (2) chi nhánh tại Hà Nội và Hải Phòng. Tại ngày 30 tháng 06 năm 2025, các chi nhánh này được đặt tại tòa nhà Lotte Center, số 54 Liễu Giai, Quận Ba Đình, Hà Nội, Việt Nam và tại số 17 Khu B1, Lô 7B, đường Lê Hồng Phong, Phường Đông Khê, Quận Ngô Quyền, Hải Phòng, Việt Nam.

HỘI ĐỒNG THÀNH VIÊN

Các thành viên Hội đồng thành viên trong năm và vào ngày lập báo cáo này như sau:

<i>Họ và tên</i>	<i>Chức vụ</i>	<i>Ngày bổ nhiệm</i>
Bà Trần Thị Tố Nga	Chủ tịch	Bổ nhiệm ngày 10 tháng 9 năm 2025
Bà Nguyễn Thùy Dung	Thành viên	Bổ nhiệm ngày 30 tháng 9 năm 2016
Ông Tibor Nagy	Thành viên	Bổ nhiệm ngày 10 tháng 6 năm 2025
		Miễn nhiệm ngày 2 tháng 2 năm 2026
Ông Chetan Kanhaiyalal Jain	Thành viên	Bổ nhiệm ngày 2 tháng 2 năm 2026

Công ty TNHH Bảo hiểm Liberty

THÔNG TIN CHUNG (tiếp theo)

BAN GIÁM ĐỐC

Các thành viên Ban Giám đốc trong năm và vào ngày lập báo cáo này như sau:

<i>Họ và tên</i>	<i>Chức vụ</i>	<i>Ngày bổ nhiệm</i>
Bà Trần Thị Tố Nga	Tổng Giám đốc	Bổ nhiệm ngày 29 tháng 09 năm 2023
Bà Nguyễn Thùy Dung	Lãnh đạo Tài chính	Bổ nhiệm ngày 1 tháng 6 năm 2014
Bà Nguyễn Ngọc Thúy	Lãnh đạo Nhân sự	Bổ nhiệm ngày 1 tháng 7 năm 2011
Ông Nguyễn Hồ Vinh Quang	Lãnh đạo Công nghệ Thông tin	Bổ nhiệm ngày 14 tháng 5 năm 2026
Ông Lâm Quốc Thanh	Lãnh đạo Công nghệ Thông tin	Bổ nhiệm ngày 14 tháng 5 năm 2026
Bà Ngô Thị Phương Lan	Lãnh đạo Phòng Định giá và phân tích	Bổ nhiệm ngày 1 tháng 1 năm 2025
Ông Cao Nguyên Trí	Lãnh đạo Phòng Bồi thường	Bổ nhiệm ngày 15 tháng 05 năm 2023
Bà Chung Thị Ngọc Trâm	Lãnh đạo Phòng Sản phẩm xe cơ giới	Bổ nhiệm ngày 1 tháng 11 năm 2022
Ông Dương Phụng Hiền	Lãnh đạo Phòng Sản phẩm Bảo hiểm tài sản	Bổ nhiệm ngày 29 tháng 8 năm 2022
Bà Nguyễn Nhật Vy	Lãnh đạo Phòng Sản phẩm Bảo hiểm Con người	Bổ nhiệm ngày 23 tháng 4 năm 2018
Bà Nguyễn Thanh Thủy	Lãnh đạo Phòng Vận hành	Bổ nhiệm ngày 1 tháng 4 năm 2019
Bà Phạm Thị Thanh Thủy	Lãnh đạo Phòng Pháp Lý	Bổ nhiệm ngày 10 tháng 11 năm 2023

NGƯỜI ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT

Người đại diện theo pháp luật của Công ty trong năm và vào ngày lập báo cáo này như sau:

<i>Họ và tên</i>	<i>Chức vụ</i>	<i>Ngày bổ nhiệm/miễn nhiệm</i>
Bà Trần Thị Tố Nga	Tổng Giám đốc	Bổ nhiệm ngày 1 tháng 11 năm 2022
Bà Nguyễn Thùy Dung	Giám đốc Tài chính	Bổ nhiệm ngày 15 tháng 12 năm 2017
Ông Chetan Kanhaiyalal Jain	Thành viên	Bổ nhiệm ngày 2 tháng 2 năm 2026

Công ty TNHH Bảo hiểm Liberty

THÔNG TIN CHUNG (tiếp theo)

Ban Giám đốc Công ty TNHH Bảo hiểm Liberty ("Công ty") trình bày báo cáo này và báo cáo tài chính của Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2026.

TRÁCH NHIỆM CỦA BAN GIÁM ĐỐC ĐỐI VỚI BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Ban Giám đốc chịu trách nhiệm đảm bảo báo cáo tài chính cho từng năm tài chính phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của Công ty trong năm. Trong quá trình lập báo cáo tài chính này, Ban Giám đốc cần phải:

- ▶ lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách này một cách nhất quán;
- ▶ thực hiện các đánh giá và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- ▶ nêu rõ các chuẩn mực kế toán áp dụng cho Công ty có được tuân thủ hay không và tất cả những sai lệch trọng yếu so với những chuẩn mực này đã được trình bày và giải thích trong báo cáo tài chính; và
- ▶ lập báo cáo tài chính trên cơ sở nguyên tắc hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động.

Ban Giám đốc chịu trách nhiệm đảm bảo việc các sổ sách kế toán thích hợp được lưu giữ để phản ánh tình hình tài chính của Công ty, với mức độ chính xác hợp lý, tại bất kỳ thời điểm nào và đảm bảo rằng các sổ sách kế toán tuân thủ với chế độ kế toán đã được áp dụng. Ban Giám đốc cũng chịu trách nhiệm về việc quản lý các tài sản của Công ty và do đó phải thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và những vi phạm khác.

Ban Giám đốc cam kết đã tuân thủ những yêu cầu nêu trên trong việc lập báo cáo tài chính kèm theo.

CÔNG BỐ CỦA BAN GIÁM ĐỐC

Theo ý kiến của Ban Giám đốc, báo cáo tài chính kèm theo phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Công ty vào ngày 30 tháng 06 năm 2025, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho kỳ sáu tháng kết thúc cùng ngày phù hợp với các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam, các hướng dẫn kế toán áp dụng cho các doanh nghiệp bảo hiểm và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.



Bà Trần Thị Tố Nga
Tổng Giám đốc

Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

Ngày 20 tháng 7 năm 2026

Công ty TNHH Bảo hiểm Liberty

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN
tại ngày 30 tháng 6 năm 2026

Mẫu số B 01 - DNPNT
(Ban hành theo thông tư
số 232/2012/TT-BTC
ngày 28/12/2012 của Bộ
Tài Chính)

TÀI SẢN	Mã số	30/6/2026	31/12/2025
A. TÀI SẢN NGẮN HẠN	100	1.244.341.373.126	1.316.106.314.897
I. Tiền và các khoản tương đương tiền	110	41.037.662.148	118.169.197.353
1. Tiền	111	21.037.662.148	118.169.197.353
2. Các khoản tương đương tiền	112	20.000.000.000	-
II. Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn	120	1.106.211.975.685	1.088.296.158.968
1. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	121	1.106.211.975.685	1.088.296.158.968
III. Các khoản phải thu ngắn hạn	130	49.755.555.962	78.416.147.444
1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	19.559.538.252	35.161.432.848
1.1 Phải thu về hợp đồng bảo hiểm	131.1	19.559.538.252	35.161.432.848
2. Phải thu ngắn hạn khác	135	37.727.401.342	50.786.098.228
3. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	139	(7.531.383.632)	(7.531.383.632)
IV. Tài sản ngắn hạn khác	150	27.173.443.901	28.644.099.411
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151	24.671.674.026	26.935.059.001
1.1 Chi phí hoa hồng chưa phân bổ	151.1	22.922.391.684	25.515.579.409
1.2 Chi phí trả trước ngắn hạn khác	151.2	1.749.282.342	1.419.479.592
2. Thuế và các khoản phải thu Nhà nước	154	-	-
V. Tài sản tái bảo hiểm	190	20.162.735.430	2.580.711.721
1. Dự phòng phí nhượng tái bảo hiểm	191	18.548.544.394	762.924.300
2. Dự phòng bồi thường nhượng tái bảo hiểm	192	1.614.191.036	1.817.787.421

Công ty TNHH Bảo hiểm Liberty

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN
tại ngày 30 tháng 6 năm 2026

Mẫu số B 01 - DNPNT
(Ban hành theo thông tư
số 232/2012/TT-BTC
ngày 28/12/2012 của Bộ
Tài Chính)

VND

TÀI SẢN	Mã số	30/6/2026	31/12/2025
B. TÀI SẢN DÀI HẠN	200	214.041.219.102	219.150.737.886
I. Các khoản phải thu dài hạn	210	14.836.883.043	14.896.216.377
1. Phải thu dài hạn khác	218	14.836.883.043	14.896.216.377
1.1 Ký quỹ bảo hiểm bắt buộc	218.1	8.000.000.000	8.000.000.000
1.2 Phải thu dài hạn khác	218.2	6.836.883.043	6.896.216.377
II. Tài sản cố định	220	3.837.780.204	5.951.013.732
1. Tài sản cố định hữu hình	221	165.877.785	428.534.629
Nguyên giá	222	35.974.320.565	35.974.320.565
Giá trị khấu hao lũy kế	223	(35.808.442.780)	(35.545.785.936)
2. Tài sản cố định vô hình	227	3.342.469.774	4.777.033.958
Nguyên giá	228	50.785.869.371	50.431.223.371
Giá trị hao mòn lũy kế	229	(47.443.399.597)	(45.654.189.413)
3. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	230	329.432.645	745.445.145
III. Các khoản đầu tư tài chính dài hạn	250	175.952.805.647	179.824.555.354
1. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	258	175.952.805.647	179.824.555.354
IV. Tài sản dài hạn khác	260	19.413.750.208	18.478.952.423
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	2.055.309.000	4.114.027.000
2. Tài sản thuê thu nhập hoãn lại	262	17.358.441.208	14.364.925.423
TỔNG CỘNG TÀI SẢN		1.458.382.592.228	1.535.257.052.783

Công ty TNHH Bảo hiểm Liberty

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN
tại ngày 30 tháng 6 năm 2026

Mẫu số B 01 - DNPNT
(Ban hành theo thông tư
số 232/2012/TT-BTC
ngày 28/12/2012 của Bộ
Tài Chính)

VND

NGUỒN VỐN	Mã số	30/6/2026	31/12/2025
A. NỢ PHẢI TRẢ	300	536.569.567.775	600.629.719.673
I. Nợ ngắn hạn	310	534.851.582.628	598.215.534.813
1. Phải trả người bán ngắn hạn	312	12.042.061.049	20.112.293.937
1.1 Phải trả về hợp đồng bảo hiểm	312.1	11.757.332.232	19.821.245.894
1.2 Phải trả khác cho người bán	312.2	284.728.817	291.048.043
2. Doanh thu chưa thực hiện	313	4.450.990.629	4.529.336.398
3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	314	6.228.699.054	4.968.839.723
4. Phải trả người lao động	315	29.838.725	138.293.226
5. Chi phí phải trả ngắn hạn	316	19.898.048.508	50.203.406.189
6. Phải trả ngắn hạn khác	319	5.880.857.413	1.803.327.418
7. Doanh thu hoa hồng nhượng tái chưa được hưởng	319.1	28.517.124	36.590.716
8. Dự phòng nghiệp vụ	329	486.292.570.126	516.423.447.206
8.1 Dự phòng phí bảo hiểm gốc và nhận tái bảo hiểm	329.1	280.443.074.912	304.405.298.182
8.2 Dự phòng bồi thường bảo hiểm gốc và nhận tái bảo hiểm	329.2	92.314.745.308	100.900.212.458
8.3 Dự phòng dao động lớn	329.3	113.534.749.906	111.117.936.566
II. Nợ dài hạn	330	1.717.985.147	2.414.184.860
1. Quỹ dự phòng trợ cấp thôi việc	336	1.717.985.147	2.414.184.860
B. VỐN CHỦ SỞ HỮU	400	921.813.024.453	934.627.333.110
I. Vốn chủ sở hữu	410	921.813.024.453	934.627.333.110
1. Vốn góp của chủ sở hữu	411	1.204.072.000.000	1.204.072.000.000
2. Quỹ dự trữ bắt buộc	419	22.892.022.695	22.892.022.695
3. Lỗ lũy kế	421	(305.150.998.242)	(292.336.689.585)
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN	440	1.458.382.592.228	1.535.257.052.783

Công ty TNHH Bảo hiểm Liberty

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH
Phần II - BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH THEO
HOẠT ĐỘNG
 cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2026

Mẫu số B 02 - DNPNT
 (Ban hành theo thông tư số
 232/2012/TT-BTC ngày 28/12/2012
 của Bộ Tài Chính)

VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Kỳ sáu tháng kết thúc ngày	
		30/6/2026	30/6/2025
1. Doanh thu phí bảo hiểm (01= 01.1 + 01.2 - 01.3)	01	302.087.870.915	332.177.460.897
Trong đó:			
Phí bảo hiểm gốc	01.1	278.125.647.645	281.664.418.604
Phí nhận tái bảo hiểm	01.2	-	62.476.639
(Giảm) dự phòng phí bảo hiểm gốc và nhận tái bảo hiểm	01.3	(23.962.223.270)	(50.450.565.654)
2. Phí nhượng tái bảo hiểm (02 = 02.1 – 02.2)	02	18.658.693.553	21.431.267.911
Trong đó:			
Tổng phí nhượng tái bảo hiểm	02.1	36.444.313.647	37.219.736.405
Tăng dự phòng phí nhượng tái bảo hiểm	02.2	17.785.620.094	15.788.468.494
3. Doanh thu phí bảo hiểm thuần (03 = 01 - 02)	03	283.429.177.362	310.746.192.986
4. Hoa hồng nhượng tái bảo hiểm và doanh thu khác hoạt động kinh doanh bảo hiểm	04	50.261.028	1.029.105.611
Trong đó:			
Hoa hồng nhượng tái bảo hiểm	04.1	50.261.028	1.029.105.611
5. Doanh thu thuần hoạt động kinh doanh bảo hiểm (10 = 03 + 04)	10	283.479.438.390	311.775.298.597
6. Chi bồi thường bảo hiểm	11	143.998.009.138	147.743.618.932
Trong đó:			
Chi bồi thường bảo hiểm	11.1	143.998.009.138	147.743.618.932
7. Thu bồi thường nhượng tái bảo hiểm	12	138.681.180	435.673.774
8. Tăng/(Giảm) dự phòng bồi thường bảo hiểm gốc và nhận tái bảo hiểm	13	(8.585.467.150)	4.884.450.904
9. (Giảm)/Tăng dự phòng bồi thường nhượng tái bảo hiểm	14	(203.596.385)	631.158.629
10. Tổng chi bồi thường bảo hiểm (15 = 11 -12 + 13 - 14)	15	135.477.457.193	151.561.237.433
11. Tăng dự phòng dao động lớn	16	2.416.813.340	2.445.071.589

Công ty TNHH Bảo hiểm Liberty

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH
Phần II - BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH THEO
HOẠT ĐỘNG
cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2026

Mẫu số B 02 - DNPNT
(Ban hành theo thông tư số
232/2012/TT-BTC ngày 28/12/2012
của Bộ Tài Chính)

VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Kỳ sáu tháng kết thúc ngày	
		30/6/2026	30/6/2025
12. Chi phí khác hoạt động kinh doanh bảo hiểm (17 = 17.1 + 17.2)	17	72.185.349.168	76.266.979.689
Trong đó:			
Chi hoa hồng	17.1	25.183.379.417	27.419.321.466
Chi phí khác hoạt động kinh doanh bảo hiểm	17.2	47.001.969.751	48.847.658.223
13. Tổng chi phí hoạt động kinh doanh bảo hiểm (18 = 15 + 16 + 17)	18	210.079.619.701	230.273.288.711
14. Lợi nhuận gộp hoạt động kinh doanh bảo hiểm (19 = 10 - 18)	19	73.399.818.689	81.502.009.886
15. Doanh thu hoạt động tài chính	23	38.969.338.489	35.861.030.307
16. Chi phí hoạt động tài chính	24	4.054.460.781	4.678.062.740
17. Lợi nhuận hoạt động tài chính (25 = 23 - 24)	25	34.914.877.708	31.182.967.567
18. Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	124.306.270.995	111.133.025.224
19. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh bảo hiểm (30 = 19 + 25 - 26)	30	(15.991.574.598)	1.551.952.229
20. Thu nhập khác	31	405.921.243	939.157.513
21. Chi phí khác	32	221.696.287	(37.367.333)
22. Lợi nhuận khác (40 = 31 - 32)	40	184.224.956	976.524.846
23. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế (50 = 30 + 40)	50	(15.807.349.642)	2.528.477.075
24. Chi phí thuế TNDN hiện hành	51	474.800	57.630.463
25. Chi phí thuế TNDN hoãn lại	52	(2.993.515.785)	785.727.982
26. Lợi nhuận sau thuế TNDN (60 = 50 - 51 - 52)	60	(12.814.308.657)	1.685.118.630

Công ty TNHH Bảo hiểm Liberty

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ
cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2026

Mẫu số B 02 - DNPNT
(Ban hành theo thông tư số
232/2012/TT-BTC ngày
28/12/2012 của Bộ Tài Chính)

VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Kỳ sáu tháng kết thúc ngày	
		30/6/2026	30/6/2025
I. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH			
Lợi nhuận trước thuế	01	(15.807.349.642)	2.528.477.075
<i>Điều chỉnh cho các khoản:</i>			
Khấu hao tài sản cố định hữu hình và hao mòn tài sản cố định vô hình	02	2.051.867.028	2.712.736.294
Các khoản dự phòng	03	(47.712.900.789)	(59.540.652.697)
Lãi từ hoạt động đầu tư	05	(33.215.554.606)	(29.045.164.469)
Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động	08	(94.683.938.009)	(83.344.603.797)
Giảm các khoản phải thu	09	16.066.212.181	11.067.227.363
Giảm các khoản phải trả	11	(33.137.020.153)	(14.566.176.961)
Giảm chi phí trả trước	12	3.529.373.510	7.567.115.568
Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	15	(792.729.465)	(354.447.976)
Lưu chuyển tiền thuần sử dụng vào hoạt động kinh doanh	20	(109.018.101.936)	(79.630.885.803)
II. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ			
Tiền chi để mua sắm tài sản cố định	21	61.366.500	(133.628.600)
Tiền chi cho các khoản đầu tư	23	(831.747.477.945)	(772.095.883.437)
Tiền thu từ các khoản đầu tư đáo hạn	24	813.831.661.228	789.128.147.878
Lãi đầu tư nhận được	27	49.741.016.948	44.227.188.654
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30	31.886.566.731	61.125.824.495
Lưu chuyển tiền thuần trong năm	50	(77.131.535.205)	(18.505.061.308)
Tiền và tương đương tiền đầu năm	60	118.169.197.353	124.857.162.940
Ảnh hưởng của biến động tỷ giá	61	-	-
Tiền và tương đương tiền cuối năm	70	41.037.662.148	106.352.101.632

Bà Lý Bội Lang
Kế toán trưởng

Bà Nguyễn Thùy Dung
Giám đốc Tài chính

Bà Trần Thị Tố Nga
Tổng Giám đốc

Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam
Ngày 20 tháng 7 năm 2026